

Số: 173/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 29 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê;

Căn cứ Quy chế số 03-QC/TU ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số: 137/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 11 năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:* 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Ủy ban Công tác về các TCPCPNN;
- TT. Tỉnh uỷ, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- Liên hiệp các TCHN tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PT&TH tỉnh;
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Các CV Ngoại vụ;
- Lưu: VT, TKTH, NV(Đảng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Huy Tuấn**

## QUY CHẾ

### Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Kèm theo Quyết định số 173 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền phê duyệt, trách nhiệm của cơ quan liên quan trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam triển khai thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án trên địa bàn tỉnh Yên Bái nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, tổ chức, cá nhân tham gia, hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế được giải thích rõ tại Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Đối với thuật ngữ “Cơ quan chủ quản” trong Quy chế này được hiểu là Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (gọi tắt là UBND tỉnh).

#### **Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh Yên Bái, trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Các nguyên tắc khác theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ**

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **Chương II**

### **THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ**

#### **Điều 6. Lập hồ sơ khoản viện trợ**

Chủ khoản viện trợ phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 7. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ**

Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ khoản viện trợ nộp 06 bộ hồ sơ quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP về Sở Kế hoạch và Đầu tư (Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).

2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản (kèm theo hồ sơ khoản viện trợ) đến Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến tham gia thẩm định. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế

hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi xin ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến trả lời bằng văn bản, quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời được coi là đồng ý với nội dung được xin ý kiến về khoản viện trợ và phải chịu trách nhiệm về nội dung tham gia ý kiến thuộc ngành, đơn vị quản lý.

4. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 5, Điều 10 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt hoặc không phê duyệt khoản viện trợ.

5. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định khoản viện trợ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt. Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ quyết định không tiếp nhận viện trợ.

6. Nội dung Quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **Chương III** **QUẢN LÝ VIỆN TRỢ**

#### **Điều 8. Quản lý thực hiện viện trợ**

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện của chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ. Trên cơ sở quyết định phê duyệt viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo nội dung quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án, Ban Quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thì thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

5. Bán hàng hóa thuộc khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

6. Chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

7. Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra tranh chấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **Điều 9. Quản lý tài chính nguồn viện trợ**

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2022/TT-BTC).

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và khoản 1, Điều 12 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định từ khoản 2 đến khoản 8 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **5. Quản lý vốn đối ứng**

a) Các chương trình, dự án, phi dự án được bố trí vốn đối ứng: Đối với chương trình, dự án, phi dự án mà Bên cung cấp viện trợ có yêu cầu bố trí vốn đối ứng, chủ khoản viện trợ đề xuất vốn đối ứng trong hồ sơ văn kiện chương trình, dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vốn đối ứng của chương trình, dự án, phi dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án.

b) Nguồn vốn đối ứng: Ngân sách nhà nước (Ngân sách tỉnh, huyện) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với khoản viện trợ mà cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì lập kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ, gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương), chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

c) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, phi dự án chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

8. Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức gửi đến cơ quan thuế gồm:

a) Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT ban hành kèm theo phụ lục I - Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

b) Bản sao Quyết định phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án và văn kiện chương trình, dự án, phi dự án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

c) Giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp đối với chi sự nghiệp và giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư đối với chi đầu tư của chủ dự án (trường hợp tiếp nhận viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và điểm a khoản 10 Điều 10 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

d) Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-1/HT ban hành kèm theo phụ lục I - Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

đ) Chỉ phải nộp các giấy tờ quy định tại điểm b khoản này đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế lần đầu hoặc khi có thay đổi, bổ sung.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan**

##### **1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan, quản lý công tác đoàn vào của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tình nguyện viên và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện viện trợ nhân đạo trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ, vận động viện trợ; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan báo cáo hằng năm kết quả vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Tiếp nhận, thẩm định các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến thẩm định đối với các khoản viện trợ không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cho cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn đầu tư công trong trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách tỉnh cho các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công.

d) Hướng dẫn chủ khoản viện trợ: Lập hồ sơ khoản viện trợ theo Quy chế này; xây dựng báo cáo kết thúc các chương trình, dự án, phi dự án và các báo cáo khác theo quy định.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án theo quy định; kịp thời phát hiện các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo thẩm quyền.

e) Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ; báo cáo tổng hợp hàng năm về tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 9, Điều 13, Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và quy định tại phụ lục số IV- Biểu mẫu báo cáo đầu tư kèm theo Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT ngày 10/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.



### **3. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ khoản viện trợ việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ, các thủ tục quyết toán sau khi chương trình, dự án kết thúc.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định; thẩm định khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách tỉnh, chi thường xuyên của đơn vị tiếp nhận tài trợ); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

c) Tham mưu bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ nước ngoài trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ, tài sản hình thành từ nguồn viện trợ không hoàn lại theo quy định; thẩm định báo cáo quyết toán thu chi nguồn vốn viện trợ theo quy định.

đ) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

e) Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định tài chính theo thẩm quyền đối với các tổ chức, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định.

### **4. Công an tỉnh**

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài thực hiện đúng quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

đ) Chủ động, kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài.

## **5. Sở Nội vụ**

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định.

b) Chủ trì hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến tôn giáo theo quy định hiện hành.

## **6. Kho bạc Nhà nước tỉnh**

Chủ trì hướng dẫn, kiểm soát chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương III, Chương IV Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

## **7. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, tổ chức liên quan khác trên địa bàn tỉnh**

a) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo đúng quy định. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi phối hợp thực hiện.

b) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực được phân công theo dõi, phụ trách.

c) Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực được phân công theo dõi, phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

đ) Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 05 tháng 7) và hàng năm (chậm nhất vào ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện) và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

**Điều 11. Điều khoản thi hành**

1. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có liên quan để triển khai thực hiện các hoạt động tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. 